**TUẦN 2**

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 3: TÌM THÀNH PHẦN TRONG PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được số bị trừ, số trừ chưa biết cần tìm

- Biết cách tìm số bị trừ, số trừ (dựa vào mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính)

- Vận dụng giải được các bài tập, bài toán có liên quan

**2. Năng lực chung.**

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

**2. Học sinh:** Vở bài tập Toán

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- GV tổ chức cho Hs hát- GV dẫn dắt vào bài mới- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: Biết cách tìm và tìm số bị trừ, số trừ (dựa vào mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính) | - HS thực hiện- HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập****Hoạt động** 1: GV giao BT cho HS làm bài- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 10 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ 10, Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.-Hs làm bài |
| **Hoạt động** 2: Chữa bài:- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:**Bài 1. Số (Làm việc nhóm 2)** a) **-** 25=56b) - 35 = 47c) - 18 = 82**-** GV nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt cách tìm số bị trừ***Bài 2: (Làm việc cá nhân) Số:**a) 72 - = 28b) 45 - = 10a) 100 - = 64- GV cho HS làm việc cá nhân.- GV cho HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV yêu cầu học sinh tìm được số trừ - GV hỏi HS vì sao em tìm được số trừ đó?- GV Nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt cách tìm số trừ***Bài 3: (Làm việc cá nhân) Số:**- GV cho HS làm việc cá nhân.- GV cho HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV yêu cầu học sinh tìm được số trừ, SBT - GV Nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt cách tìm số bị trừ, số trừ***Bài 4: (Làm việc cá nhân) Bài toán:**- Yêu cầu HS đọc đề bài, phân tích đề toán- GV cho HS lên bảng chữa bài- GV nhận xét tuyên dương.*=>Gv chốt cách tìm số bị trừ***Bài 5: (Làm việc cá nhân). Bài toán:**- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: (Bài toán cho biết gì? hỏi gì) nêu cách giải. - - GV hướng dẫn cho HS nắm được Số trứng mẹ đã bán = Số trứng có - Số trứng còn lại.- GV gọi HS lên bảng chữa bài- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau- GV nhận xét tuyên dương.*=>Gv chốt cách tìm số trừ* | - HS nối tiếp nhau trả lờia/ 81 – 25 = 56b/ 82 – 35 = 47c/ 100 – 18 = 82- HS nhận xét- Hs lắng nghe- HS nối tiếp nhau đọc kết quả- HS nhận xét- Nêu cách tìm số trừ.- HS nêu kết quả- HS nhận xét- Nêu cách tìm số trừ, số bị trừ.- HS đọc bài toán có lời văn, phân tich BT, nêu cách trình bày bài giải.- 1 HS lên bảng chữa bài, dưới lớp đọc bài làmBài giải:Số viên bi lúc đầu có là:15 + 20 = 35 (viên)Đáp số: 35 viên bi- HS nhận xét- HS đọc bài toán có lời văn, phân tich BT, nêu cách trình bày bài giải.- 1 HS lên bảng chữa bài, dưới lớp đọc bài làmBài giải:Số trứng mẹ đã bán là:70 – 15 = 55 (quả)Đáp số: 55 quả trứng- HS nhận xét |
| **3. Vận dụng.** |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết quy tắc tìm thành phần chưa biết. đọc số, viết số...+ Bài toán:....- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

----------------------------------------------------------------------------

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 04: ÔN TẬP BẢNG NHÂN 2; 5, BẢNG CHIA 2; 5 (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố bảng nhân 2, bảng chia 2 và vận dụng luyện tập, thực hành một số bài tập về phép nhân, phép chia trong bảng, dãy số cách đều 2, tính trong trường hợp có 2 dấu phép tính (nhân, chia), giải toán có lời văn (một bước tính)

**2. Năng lực chung.**

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:**- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Biết số trừ là 56, hiệu là 18. Vậy số bị trừ là: ......+ Câu 2: Biết số bị trừ là 150, hiệu là 48. Vậy số trừ là: ....- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời: Số bị trừ là: 56 + 18 = 74+ Trả lời: Số trừ là:150 – 48 = 142- HS lắng nghe. |
| **2. HĐ Luyện tập***:***Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 11 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 11 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.-Hs làm bài- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:**Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?****-** GV YC HS nêu cách làm- Yêu cầu học sinh đọc kết quả**-** YC HS đọc bảng nhân 2, chia 2**-** GV nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt bảng nhân 2, chia 2***Bài 2: (Làm việc nhóm đôi) Số?**- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài- Yêu cầu HS tìm các số còn thiếu trong dãy ở câu a và câu b và giải thích vì sao?- GV Nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố KT về dãy số cách đều 2***Bài 3: (Làm việc cá nhân) Số?**- GV mời HS nối tiếp đọc kết quả- GV mời HS nêu cách làm- GV nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố KT về bảng nhân 2, chia 2***Bài 4**- GV mời HS đọc bài toán- GV hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?- GV yêu cầu HS lên bảng chữa bài, dưới lớp theo dõi- GV chữa bài làm đúng- GV nhận xét tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố KT bài giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 2* | - HS nêu cách làm từng ý, nối tiếp nhau đọc kết quả- HS khác nhận xét- HS đọc- HS nêu YC của bài- HS đọc – HS nhận xét- 1HS nối tiếp đọc- HS nêu cách làm- 1HS đọc bài toán- HS trả lời: + Mỗi lọ hoa cắm 2 bông hoa+ 6 lọ như vậy có bao nhiêu bông hoa cúc?- HS lên bảng, dưới lớp đọc bài làm của mình*Bài giải**6 lọ cắm số bông hoa là:**2 x 6 = 12 (bông)* *Đáp số:12 bông hoa*- HS nhận xét |
| **3. Vận dụng.** |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 2 và bảng chia 2+ Câu 1: 2 x 6 = ?+ Câu 2: 18 : 2 = ?+ Câu 3: 8 đôi đũa có bao nhiêu chiếc đũa?- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS trả lời:+ Câu 1: 2 x 6 = 12+ Câu 2: 18 : 2 = 9+ Câu 3: 8 đôi đũa có 16 chiếc đũa- HS nghe |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 04: ÔN TẬP BẢNG NHÂN 2; 5, BẢNG CHIA 2; 5 (Tiết 2) – Trang 12**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố bảng nhân 5, bảng chia 5 và vận dụng luyện tập, thực hành mốt số bài tập về phép nhân, chia trong bảng, dãy số cách đều 5, về so sánh kết quả của phép tính, giải toán thực tế có lời văn.

**2. Năng lực chung.**

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |
| --- |
|  |
| **1. Khởi động:**- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: 2 x 5 = ?+ Câu 2: 6 con thỏ có bao nhiêu cái tai?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời: 2 x 5 = 10+ Trả lời: 6 con thỏ có 12 cái tai- HS lắng nghe.- HS nghe |
| **2. Luyện tập***:***Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 12 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 12 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.-Hs làm bài- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:**Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?****-** GV mời HS nêu yêu cầu của bài- Yêu cầu học sinh nối tiếp đọc bai làm**-** GV nhận xét, tuyên dương.- GV cho HS nhận xét hàng tích của câu a và hàng số bị chia ở câu b- Nhận xét tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố bảng nhân 5, bảng chia 5***Bài 2: (Làm việc nhóm đôi)** - Gọi 1 HS đọc đề bài bài 2- Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố KT bài giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 2***Bài 3: (Làm việc cá nhân) >; < ; = ?**- GV mời HS nêu yêu cầu của bài-YC HS tính nhẩm tính kết quả của các phép tính rồi so sánh 2 kết quả và điền dấu thích hợp vào ô có dấu “?” vào vở,- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố so sanh các giá trị biểu thức***Bài 4:**- GV mời HS đọc bài toán- GV hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?- GV yêu cầu HS lên bảng làm bài - GV chiếu bài làm của HS, HS nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố KT bài giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 5* | - 1 HS nêu yêu cầu bài- HS đọc bài làm, HS nhận xét- 1HS trả lời:+ Hàng tích của câu a là dãy số cách đều 5 tăng dần+ Hàng số bị chia của câu là dãy số cách đều 5 giảm dần.- HS nghe- 1HS đọc- HS nghe, nhận xét- 1HS nêu: **>; < ; =** - HS làm vào vở.- 1HS nêu kết quả**a/ > b/ < c/ =**- Các HS khác nhận xét- HS lắng nghe- 1HS đọc bài toán- HS trả lời: + Có 50 bông hoa, mỗi lọ c 5 bông + Cắm được bao nhiêu lọ hoa?- HS lên bảng làm, dưới lớp đọc bài làm.*Bài giải**8 khung cần số nan tre là:**8 x 3 = 24 (nan)**Đáp số: 24 nan tre.*- HS quan sát và nhận xét bài bạn-HS nghe |
| **3. Vận dụng.** |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 5 và bảng chia 5+ Câu 1: 5 x 6 = ?+ Câu 2: 45 : 5 = ?- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS trả lời:+ Câu 1: 5 x 6 = 30+ Câu 2: 45 : 5 = 9- HS nghe |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

---------------------------------------------------------------------

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 05: BẢNG NHÂN 3, BẢNG CHIA 3 (Tiết 1) – Trang 13**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân, chia 3.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |
| --- |
|  |
| **1. Khởi động:**- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: 5 x 3 = ?+ Câu 2: 35 : 5 = ?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời: 5 x 3 = 15+ Trả lời: 35 : 5 = 7- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập****Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 13 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 13 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.- Hs làm bài- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:**Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?****-** GV mời 1 HS nêu YC của bài- Yêu cầu học sinh tính nhẩm các phép tính trong bảng nhân 3 và viết số thích hợp ở dấu “?” trong bảng vào vở.**-** Chiếu vở của HS và mời lớp nhận xét**-** GV nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố bảng nhân 3***Bài 2: (Làm việc nhóm đôi) Số?**- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài- Yêu cầu HS đọc bài làm và giải thích cách làm- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV chốt BT cung cố về dãy số cách đều 3**Bài 3:**- GV mời HS đọc bài toán- GV hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?- GV yêu cầu HS lên bảng làm bài- GV chiếu bài làm của HS, HS nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố KT về giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 3***Bài 4: (Làm việc cá nhân) >; < ; = ?**- GV mời HS nêu yêu cầu của bài- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố về so sánh giá trị các phép tính trong bảng nhân 3* | - 1 HS nêu: Số- HS làm vào vở, nối tiếp đọc kết quả- Hs nhận xét- HS quan sát và nhận xét- HS đọc bài làm và nêu cách làma/ 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30b/ 30; 27; 24; 21; 18; 15; 12; 9; 6; 3- Mời HS nhận xét lẫn nhau.-1HS đọc bài toán- HS trả lời: + Mỗi khung cần 3 nan tre+ 8 khung cần bao nhiêu nan?- HS lên bảng chữa bài, dưới lớp đọc bài làm*Bài giải**8 khung cần số nan tre là:**8 x 3 = 24 (nan)**Đáp số: 24 nan tre.*- HS quan sát và nhận xét bài bạn- HS nghe- 1HS nêu: **>; < ; =** - 1HS nêu kết quả**a/ = b/ < c/ >**- Các HS khác nhận xét- HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng.** |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 3+ Câu 1: 3 x 6 = ?+ Câu 2: 3 x 9 = ?- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS trả lời:+ Câu 1: 3 x 6 = 18+ Câu 2: 3 x 9 = 27- HS nghe |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 05: BẢNG NHÂN 3, BẢNG CHIA 3 (Tiết 2) – Trang 14**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng chia 3.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:**- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: 3 x 5 = ?+ Câu 2: 3 x 9 = ?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời: 3 x 5 = 15+ Trả lời: 3 x 9 = 27- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập****Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 13 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 13 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.- Hs làm bài- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:**Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?****-** GV mời 1 HS nêu YC của bài- Yêu cầu học sinh vận dụng bảng chia 3 và viết số thích hợp ở dấu “?” trong bảng vào vở.**- YC** HS đọc bài làm**-** GV nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố các phép tính trong bảng chia 3***Bài 2: (Làm việc cá nhân) Chọn kết quả cho mỗi phép tính.**- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài- Yêu cầu HS nối mỗi phép tính ở con ong với kết quả tương ứng ở cạnh hoa vào phiếu học tập- Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố các phép tính trong bảng chia 3* | - 1 HS nêu: Số- HS làm vào vở- HS đọc bài làm, nhận xét*Các số lần lượt điền vào bảng là:a) 3; 7; 2; 5; 6; 4; 10; 8;9* - HS nghe- 1HS nêu: Nêu các số còn thiếu- HS nối mỗi phép tính ở con ong với kết quả tương ứng vào phiếu học tập- HS khác NX - HS nghe |
| **Bài 3: (Làm việc nhóm đôi) Nối hai phép tính có cùng kết quả**- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài- Yêu cầu HS đọc kết quả và giải thích cách làm- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV chốt *BT củng cố các phép tính trong bảng nhân, chia đã học***Bài 4:**- GV mời HS đọc bài toán- GV hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?- GV yêu cầu HS lên bảng chữa bài- GV nhận xét, tuyên dương.*=>Gv chốt BT củng cố KT về giải toán có lời văn liên quan đến bảng chia 3* | - 1HS nêu: Hai phép tính nào dưới đây có cùng kết quả?- HS đọc bài làm và nêu cách làm- Hs nhận xét- HS nghe- 1HS đọc bài toán- HS trả lời: + Có 30 bạn, mỗi nhóm 3 bạn+ Chia được bao nhiêu nhóm.- HS lên bảng chữa bài, dưới lớp đọc bài làm*Bài giải**Số nhóm chia được là:**30 : 3 = 10 (nhóm)**Đáp số:10 nhóm*- HS nhận xét bài bạn- HS nghe |
| **3. Vận dụng.** |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 3, bảng chia 3+ Câu 1: Mỗi hộp có 3 bút chì. Hỏi 8 hộp như vậy có bao nhiêu bút chì?+ Câu 2: 24 : 3 = ?- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS trả lời:+ Câu 1: 8 hộp như vậy có 24 bút chì.+ Câu 2: 24 : 3 = 8- HS nghe |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |